

Thảo luận với GS Vũ Quốc Thúc về bài viết có tựa đề “Gió Đưa Cành Trúc La Đà”

Trần Đan Hà

“Gió đưa cành trúc la đà” là tựa đề bài viết của ông Vũ Quốc Thúc ở Paris Pháp Quốc, đăng trên website Phù Sa ngày 12.9.2011. Mở đầu ông Thúc viết: “Mới đây tôi được đọc trên mạng lưới Internet một bài phẩm luận lý thú về hai câu thơ, thời tiền đô hộ Pháp. Đó là hai câu lục bát:

Gió đưa cành trúc la đà,

Tiếng chuông Thiên Mục, canh gà Thọ Xương...

Ngay từ hồi còn học ở Trường Thành Chung Nam Định (1934 – 1937), tôi đã được đọc hai câu thơ này, nhưng không phải là tiếng chuông Thiên Mục mà là tiếng chuông Trấn Vũ... (trích)

Nhận xét của ông Thúc rất đúng, nhưng chỉ đúng với thực tế nguyên thủy của câu thơ, chứ chưa đúng với lịch sử tuần tự tạo thành giai thoại thơ này. Cũng như việc di dời hai câu thơ ấy xuôi Nam, và dừng lại hai địa điểm mới mẻ nhưng rất nổi tiếng đó là Huế và Sài Gòn. Và dĩ nhiên đến một vùng nào đó thì người ta lại đề cập đến phong cảnh địa phương để thay thế cho phong cảnh của bài thơ nguyên thủy. Ví dụ như tiếng chuông xuất hiện đầu tiên trong nguyên bản là tiếng chuông Trấn Vũ, kế tiếp đến tiếng chuông Linh Mục, và sau nữa là tiếng chuông Xá Lợi... Nhưng thật ra tiếng chuông không phải sở hữu chủ của một vùng miền nào cả. Con người cũng vậy, tất cả dân Việt đều xuất xứ từ miền Bắc Việt Nam theo tiến trình “mở mang bờ cõi đàng trong”. Đi đến đâu sau khi ổn định đời sống về vật chất rồi thì họ nghĩ đến lãnh vực tâm linh, dựng xây đền, chùa, miếu mạo, dựng tượng đúc chuông để tôn thờ. Do đó mà thời điểm được xây dựng hai ngôi chùa trên đây cách nhau hơn nửa thiên niên kỷ, và dĩ nhiên có điểm sai khác như tiếng chuông Trấn Vũ có trước tiếng chuông Linh Mục gần 600 năm lặn. Cũng như thành phố Huế không có địa danh nào mang tên Thọ Xương cả! (song cũng có địa danh Thọ Cương, để hợp vần với câu thơ trên. Tuy vậy, cũng có người vẫn đọc theo địa danh của nguyên bản là Thọ Xương. Và câu thơ này được phổ biến ở Huế rộng rãi hơn, theo sự sinh hoạt thuyền bè trên sông Hương, nên câu hò cũng được vọng vang qua nhiều thế hệ).

Ông Thúc viết tiếp: “Theo tôi nhớ thì đây là hai câu đầu của một bài thơ tứ tuyệt:

Gió đưa cành trúc la đà,

Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương,

Mịt mù bãi cát màn sương,

Nhịp chày Yên Thái, bóng gương Tây Hồ...

“Thiên Mục là tên một ngôi chùa danh tiếng ở ngoại thành Huế, còn Trấn Vũ là tên một ngôi chùa cũng rất nổi danh ở phía tây thành Thăng Long cũ (tức Hà Nội). Vậy thì địa danh nào mới đáng coi là chính xác? Dĩ nhiên những ai sinh trưởng ở miền Trung, đặc biệt ở vùng Thừa Thiên, có xu hướng chọn địa danh Thiên Mục. Trái lại những người gốc miền Bắc tin rằng địa danh Trấn Vũ mới đúng sự thật.

Bản thân kẻ viết bài này không bao giờ có đầu óc địa phương phi lý như vậy: trái lại chúng tôi rất trân quý đồng bào miền Trung. Tuy nhiên khi bàn về một đề tài liên can tới văn học sử chúng ta cần phải khách quan và tôn trọng tinh thần khoa học. Tôi tin rằng tiếng chuông trong câu thơ trên là chuông chùa Trấn Vũ vì những lý do sau đây...” (trích)

Kế đến là ông Thúc diễn tả lại các địa danh liên hệ quanh Trấn Vũ như Thọ Xương, Yên Thái, và Tây Hồ. Rồi kết luận một cách quả quyết rằng, huyện Thọ Xương ở Hà Nội cách xa Huế đến nghìn dặm nên không thể gán ghép cho hai câu thơ này là tiếng chuông Linh Mục được!

Bây giờ người “Thảo Luận” xin thử ngược dòng thời gian tìm về nguyên thủy, để tham vấn “Hồn Thiên Cổ” đã tạo dựng nên huyền thoại bài thơ này.

Theo học giả Thái Văn Kiểm tìm hiểu về “Hồi Chuông Linh Mục” trong Việt Nam Gấm Hoa thì là:

Sau khi Chúa Tiên xây dựng Linh Mục Tự... cũng từ đó đã xuất hiện một câu hò ca tụng cảnh trí đẹp nhất của cố đô Huế là chùa Linh Mục.

Gió đưa cành trúc la đà

Tiếng chuông Thiên Mục, canh gà Thọ Xương

Câu hò này nguyên thủy là:

Gió đưa cành trúc la đà

Tiếng chuông Thiên Mục, canh gà Thọ Cương

Là vì đối diện với chùa Linh Mục, bên kia sông Hương là gò Long Thọ, tức là Long Thọ Cương, có tấm bia nhà vua ghi rõ như thế... Về sau, dân gian thâu ngắn lại còn hai chữ Thọ Cương để lọt vào ca dao cho đúng điệu...

Bây giờ chúng ta thử xét đoán xem trong hai bài hò liên quan đến chùa Thiên Mục và đền Trấn Võ bài nào xuất hiện trước. Bài đền Trấn Võ gồm bốn câu lục bát, niêm luật rất nghiêm chỉnh, khiến ta có thể ước đoán là một bài thơ của một nhân sĩ Hà Thành... thường thường ca dao hò vè của dân gian thì niêm luật rất lỏng lẻo, phần lớn theo âm điệu và không gò bó về từ ngữ. Còn bài hò chùa Linh Mục thì khi ngâm lên nghe như lời ca hồn nhiên hiền hòa của một lái đò ẻo lả trên dòng sông Hương. Chúng ta có cảm giác như câu này xuất hiện từ lâu lắm. Có thể từ thời kỳ lập chùa Thiên Mục hồi đầu thế kỷ thứ 17.

Tuy nhiên đó cũng “**chỉ ước đoán**” mà thôi, là vì đền Trấn Võ đã kiến lập từ đời nhà Lý nghĩa là sáu thế kỷ trước chùa Thiên Mục. Và có lẽ nguyên sơ chỉ có hai câu lục bát mà thôi:

Phát phơ ngọn trúc trắng tà

Tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ Xương

Còn hai câu nổi tiếp:

Mịt mùng khói tỏa ngàn sương

Nhịp chày An Thái mặt gương Tây Hồ

Có lẽ do một nhà thơ nào đó ngày sau đã thêm vào cho đầy đủ cảnh trí. Rồi theo cái đà Nam tiến, câu hò này đã di chuyển vào miền Trung, tạm ngưng nơi chùa Thiên Mục với câu hò:

Gió đưa cành trúc la đà

Tiếng chuông Linh Mục, canh gà Thọ Cương

để rồi tiến thêm một đoạn đường dài tới Đồng Nai Gia Định dưới một hình thức mới mẻ hơn:

Gió đưa tàu chuối la đà

Tiếng chuông Xá Lợi, canh gà Thủ Thiêm

(trích Việt nam Gấm Hoa của Thái Văn Kiểm).

Theo sự tìm hiểu của ông Thái Văn Kiểm, chúng ta thấy có nhiều điểm khoa học và đúng với sự truyền tụng của ca dao hò vè, lối văn chương truyền khẩu, nhưng đã chiếm một vị trí rất quan trọng trong nền văn học nước nhà. Và cũng tuân tự theo dòng chảy của lịch sử ấy, như tiếng chuông Trấn Võ khai sinh trước tiếng chuông Linh Mục. Rồi theo đà Nam tiến gọi là “Mở mang bờ cõi đảng trong của chúa Nguyễn”, thì con người và tiếng chuông cũng xuất xứ từ Hà Nội di dân vào dừng lại Thừa Thiên, rồi tiếp tục vào Gia Định để trở thành tiếng chuông Xá Lợi. Cho nên con người và tiếng chuông đều không có Bắc cũng không có Nam, mà nguồn gốc cùng một, vì thế mà tiếng chuông cũng không phải sở hữu của vùng nào. Tuy nhiên theo thứ tự của lịch sử Nam tiến, thì câu thơ đã phát xuất đầu tiên là diễn tả tiếng chuông đền Trấn Võ. Tiếng chuông Trấn Võ có câu đầu rất lảng mạn như : “Phát phơ ngọn trúc trắng tà” đúng là tâm hồn của người Hà Thành. Nhưng câu thơ vào Huế thì đổi lại: “Gió đưa cành trúc la đà”, vào đến Sài Gòn thì một lần nữa dựa vào phong cảnh địa phương mà trở nên “Gió đưa tàu chuối la đà”. Ba khung cảnh khác nhau nhưng đều mang chung một hồn Việt để ngân nga, để vang vọng và lưu truyền.

Tuy mỗi nơi chép lại có sự khác biệt đôi chữ, đó là chuyện dĩ nhiên vì văn học dân gian truyền tụng dần dà sẽ có nhiều điểm sai khác. Ảnh hưởng về tiếng nói địa phương, hay uốn theo những danh từ của địa danh, để cho đúng với luật trắc bằng của thơ, cũng như việc tam sao thất bản nữa. Và còn ảnh hưởng qua việc “thơ họa” mỗi người có một ý tưởng khác nhau, chỉ sửa đổi một vài chữ là ý thơ đã đổi khác. Phong trào thơ họa xưa nay vẫn có, đối với các vị trà dư tửu hậu hay những người cảm khái khi đọc một bài thơ của ai đó, rồi nảy sinh ra cách sáng tác một bài thơ có nội dung, hay vần điệu hao hao giống như bài xướng. Vì thế mà kho tàng ca dao rất phong phú nhờ vào phong trào xướng họa này. Khi bài thơ đến đâu mà tạo được cảm xúc, họ liền lấy thẳng cảnh và ngôn ngữ địa phương thay vào.

Nhưng xét về việc “sao chép cũng như việc xét đoán” và lý luận để tìm hiểu, thì ông Thái Văn Kiểm mang nhiều tính thuyết phục hơn, nhờ vào sự tuần tự đi theo dòng chảy của lịch sử. Cũng như việc giải thích về sự hình thành bài thơ trên, đều có thủy có chung. Hay sự tuần tự rất thích hợp với tâm hồn của mỗi địa phương, ví dụ như: Hà nội thì có... **ngọn trúc trắng tà**. Huế thì có... **cành trúc la đà**. Sài gòn thì lại có... **tàu chuối la đà**. Ba cảnh hơi khác nhưng cùng một tấm tình chung lối, tuy cái nhìn không đồng nhưng tựu trung vẫn chứa chung một hồn thiên cổ.

Tiếp theo phần giữa ông Thúc “**mường tượng**” về thời điểm cũng như hoàn cảnh tác giả sáng tác bài thơ đầu tiên ấy, diễn tả khung cảnh chung quanh đền Trấn Vũ, những con đường, vườn ươm cây của thành phố, cũng như so sánh tiếng chuông chùa Hàn San ở bên Tàu... hay đề cập đến sự hiểu lầm của những người không mấy rành rẽ về văn học dân gian. Luận về sự ảnh hưởng của bài thơ đối với tâm tình của các thời đại, qua những biến dâu của thời cuộc... có lẽ cũng chỉ để tìm về nguồn gốc bài thơ ấy mà thôi. Đây có thể cho là một đoạn văn tạo thêm hoa lá cành cho bài viết, chứ không có gì cần bàn luận.

Điều quan trọng nơi đây là đoạn cuối, sau khi kể lại “bài phiếm luận của ai đó trên Internet về giai thoại bài thơ: Gió đưa cành trúc la đà...”. Với những nhận xét rằng, rất tiếc giới trẻ ở hải ngoại không hiểu được nội dung bài thơ, rồi “phỏng đoán” thế này thế nọ như là có thể họ sẽ hiểu chữ “la đà” thành “lạc đà”... “cành trúc” thành “cây roi” để chặn lừa... !

Rồi ông Thúc đi đến kết luận: “*Khỏi cần chứng minh là nhiều thanh thiếu niên không biết gì về lịch sử cũng như văn chương Việt Nam. Nhiều người nói tiếng Việt còn không sôi. Do đó, khi họ đọc bài thơ trứ danh “Gió Đưa Cành Trúc La Đà” họ đã không hiểu những từ ngữ dùng trong bốn câu thơ. Nếu tra tự điển để tìm nghĩa từng chữ thì có thể sai lầm thảm hại như tác giả bài phiếm luận nói trên đăng trên internet đã chứng minh một cách rí rỏ. Chẳng hạn người ta có thể nghĩ rằng “la đà” là một đàn la và lạc đà rồi suy luận rằng cành trúc là cây roi tre của kẻ chặn đàn la và lạc đà này...”*

Nếu dụng ý của tác giả bài phiếm luận là chế giễu các thanh thiếu niên không có đủ kiến thức về ngôn ngữ và văn chương Việt Nam, thì tôi nghĩ rằng cũng tội nghiệp cho họ quá! Họ đâu có được học hỏi về ngôn ngữ và văn chương Việt Nam như ông, cha của họ! Kẻ đáng trách chính là chúng ta, những người lớn tuổi thuộc thế hệ ông, cha của các thanh thiếu niên ấy. Chúng ta đã không làm hay không làm đủ bổn phận truyền đạt cho con cháu chúng ta những kiến thức về văn hóa dân tộc mà chúng ta đã hấp thụ.

Thiên phiếm luận đăng trên Internet về bài thơ “Gió đưa cành trúc la đà” đã giúp chúng ta ý thức sâu sắc hiểm họa vong bản đang đe dọa con cháu chúng ta. Chúng ta không nên trì hoãn nữa: cần phải làm một cố gắng quyết liệt để chấn chỉnh tình trạng này. (trích).

Người viết bài “thảo luận” này nhận thấy đoạn kết bài viết của ông Thúc có mấy điểm cần phải “góp ý” thêm để làm sáng tỏ vấn đề:

Thứ nhất: “*Khỏi cần chứng minh là nhiều thanh thiếu niên không biết gì về lịch sử và văn chương Việt Nam... nên khi đọc bài thơ trứ danh: “Gió đưa cành trúc la đà”... họ sẽ không hiểu hoặc hiểu sai...”* (trích)

Theo thiên nghĩ, nói như vậy là ông Thúc đã “**xem thường**” giới trẻ (thuộc thế hệ thứ hai, sinh trưởng tại hải ngoại). Vì trên thực tế, giới trẻ hải ngoại rất nhiều người thông thạo về văn chương Việt Nam.

Bằng chứng xin đơn cử một vài thí dụ: Xin ông Thúc hãy nghe lại cuốn Video “**Phóng sự ngày Đại hội giới trẻ hải ngoại tại Manila Philippines**” vừa qua. Thì ông sẽ thấy được “Kiến thức về lịch sử và văn học Việt Nam” của giới trẻ hải ngoại từ 20 đến 30 tuổi. Chẳng những họ ăn nói lưu loát, mà còn có cái nhìn “**mới mẻ, văn minh, tiên bộ, cởi mở...**” hơn chúng ta (ở vào cái tuổi trên dưới “thất thập cổ lai hy” này nhiều, nhiều lắm).

Hay ông nghe lại lời phát biểu của Đại tá Lương Xuân Việt, Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ, lúc đến thăm viếng đồng hương Việt Nam tại California năm trước (bây giờ đã vinh thăng Chuẩn tướng, ông đến Mỹ lúc ông mới 10 tuổi). Ông hãy nghe mẹ của Thiếu tá Phi công Elizabeth Phạm đọc thư của cô gởi về thăm gia đình lúc cô đang còn chiến đấu trên chiến trường Irak. (hai vị này thuộc thế hệ thứ hai sinh trưởng tại hải ngoại).

Hay ông hãy qua nơi địa phương tôi đang sinh sống, tôi sẽ đưa ông đi tham quan một làng Đại Học, trong đó có một số Sinh viên người Việt, tất cả khi gặp nhau họ hoàn toàn nói tiếng Việt. Hoặc các thanh thiếu niên trong Cộng đoàn Công giáo, Gia đình Phật tử mỗi lần sinh hoạt họ cũng đều nói với nhau bằng tiếng Việt, họ đều hát được Thánh ca và Đạo ca. Có lần tham dự ngày hội Tết của cộng đồng người Việt tại Strasbourg, Pháp Quốc tôi đã nghe các bạn trẻ họ hát: “*Xin dâng cho mẹ nụ cười, xin dâng quê nhà cuộc đời...*” Giới trẻ sinh trưởng tại hải ngoại họ đã ý thức được như vậy, thì tôi nghĩ không thể nào đối với câu thơ “Gió đưa cành trúc la đà” mà đến nỗi họ không hiểu?”

Hay nghe ông Nguyễn Mạnh Trinh nhận xét về dòng “văn chương hội nhập” như sau: “*Cộng đồng người Việt ở hải ngoại là một cộng đồng non trẻ chừng có mấy chục năm nhưng đã phát triển không ngờ về mọi phương diện. Nhất là về phương diện văn chương nghệ thuật.*”

Bên cạnh văn chương Việt ở hải ngoại, thành lập một cách tự phát do những người mê say nghệ thuật còn có những người viết văn hội nhập vào dòng văn chương chính của bản xứ và gây được nhiều tiếng vang.

Với các tác phẩm văn chương viết bằng ngoại ngữ, cũng có nhiều ghi nhận từ những hoạt động mới đầu thưa thớt nhưng dần dần đã có nhiều đóng góp. Ở thế hệ thứ nhất, chỉ có vài góp mặt tượng trưng. Một vài cuốn sách được in, có cuốn được dư luận báo chí và phê bình bản xứ để ý tới vì chính trị hơn là tự thân giá trị tác phẩm. Một ví dụ, như tác phẩm của Lệ Lý Hayslip...

*Nhưng ở thế hệ một rưỡi hoặc thứ hai, họ đã có nhiều đóng góp. **Lớn lên và chịu ảnh hưởng của đời sống xứ người nhưng họ đã viết với tâm thức Việt Nam.** Dù không mang nặng trên vai những dư ảnh của quá khứ nhưng họ vẫn là sự nối tiếp của thế hệ thứ nhất với nỗ lực gây dựng lại cuộc sống mới ở xứ sở mà họ trưởng thành ở xứ người.*

(trích lời giới thiệu nhà văn trẻ Kiên Nguyễn).

Hay nhận xét của Giáo sư Huỳnh Sanh Thông, người chủ trương biên tập tạp chí “The Vietnam Review” khi giới thiệu về một tác phẩm tuyển chọn của những người Việt có tác phẩm viết bằng ngoại ngữ đã phát biểu đại ý : “*Văn học của người Mỹ gốc Việt có tuổi đời rất trẻ trung. Nhưng từ khi có những sưu tập tác phẩm để phát hiện ra những tài năng văn học, chúng ta đã phải ngạc nhiên và rất bằng lòng với những tác phẩm chứa đựng những ý tưởng sâu sắc, những góc nhìn quan sát sinh động, có chút hóm hỉnh nhưng cũng có những bi đát đau buồn. Thực tại hiện hữu hay huyền ảo mơ mộng, người đọc tự tìm kiếm trong những sáng tác ấy những kinh nghiệm để đời của những người đi tìm những chân trời sống tuy mới bắt đầu gần ba chục năm nhưng chứa đựng biết bao nhiêu là những biến cố kỳ lạ tưởng như không thể nào có trên trái đất này...*”

Đọc những tác phẩm viết bằng ngoại ngữ của các tác giả Việt Nam, từ tiểu thuyết đến thơ ca, từ tiểu luận văn chương đến những ký sự có nét sinh động của đời sống, **tất cả bằng bạc bản sắc của dân tộc.** Dù là thế hệ sinh trưởng ở Việt Nam và lớn lên ở xứ người hay sinh trưởng và trưởng thành ở nơi định cư, **dù cách biểu tỏ hoặc tình cảm có khác nhưng người đọc vẫn dễ dàng thấy được căn cước của người cầm bút.** Căn cước của một người Việt mà chiến tranh đã qua rồi nhiều năm nhưng vẫn để lại những hậu quả hay những dấu hằn thời thế còn tươi rói...

Thứ hai: ông Thúc cho rằng: “*Tác giả bài phiếm luận là chế giễu các thanh thiếu niên không có đủ kiến thức và ngôn ngữ văn chương Việt Nam... thì tội nghiệp cho họ quá, vì họ đâu có được học như các bậc cha anh của họ... ? Kê đáng trách chính là chúng ta, những người lớn tuổi thuộc thế hệ ông, cha của các thanh thiếu niên ấy. Chúng ta đã không làm hay không làm đủ bổn phận truyền đạt cho con cháu chúng ta những kiến thức về văn hóa dân tộc mà chúng ta đã hấp thụ.*”

Ông Thúc nói vậy nghe ra hơi “**bất công, và oan uổng cho chúng ta quá**” ! Vì tuy thế hệ chúng ta hơn nửa đời rồi mà phải bôn ba trong kiếp sống tha hương. Bước đầu chúng ta vẫn phải cố gắng bươn chải trong vấn đề sinh kế. Nhưng sau khi đã ổn định thì chúng ta vẫn có nghĩ đến tương lai của con cháu đó chứ, vẫn hướng dẫn cho chúng học hành để tiến thân, cũng như nhắc nhở đừng quên nguồn cội. Về phần các bạn trẻ họ cũng đã hết sức cố gắng trong việc học hành. Cho nên mới có kết quả rất khả quan là học sinh và sinh viên Việt Nam đạt điểm trên mức trung bình rất nhiều. Có một số trường tỷ lệ học sinh học giỏi cao hơn tỷ lệ của học sinh bản xứ. Có nhiều gia đình Việt Nam có hai ba đứa con đều tốt nghiệp Đại học cả. Tóm lại giới trẻ hải

ngoại được nhận xét là rất thành công về nhiều mặt, nhờ vậy mà người bản xứ đã dành cho người Việt chúng ta nhiều cảm tình đặc biệt hơn các dân tộc thiểu số khác.

Đó là bằng chứng hiện thực nhất để chứng minh rằng, cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại cho dù thuộc thể hệ nào, cũng không bao giờ mất gốc. Vì nếu thể hệ thứ nhất không trồng “**cái nhân lành**” thì làm sao thể hệ thứ hai bây giờ gặt hái được những “**thành quả tốt**”? Và như vậy thì “**chúng ta**” làm sao mà “**đáng trách**” cho được; thể hệ thứ hai làm gì mà “**tội nghiệp**” họ được, phải không?

Cuối cùng ông Thúc kết luận là chúng ta may mắn nhờ “*Thiên phiếm luận đăng trên Internet về bài thơ “Gió đưa cành trúc la đà” đã giúp chúng ta ý thức sâu sắc hiểm họa vong bản đang đe dọa con cháu chúng ta. Chúng ta không nên trì hoãn nữa: cần phải làm một cố gắng quyết liệt để chấn chỉnh tình trạng này*”. (trích)

Nghĩ như vậy, có lẽ ông Thúc đang ngủ quên trong “ngục tù dĩ vãng”, mà trong đó đã chứa đựng toàn những chất “bi quan, yếm thế, cục bộ, sợ hải...” nên không muốn đối diện với hiện tại, không dám tự hào với những thành công của giới trẻ, nên chỉ thấy toàn những “**hiểm họa**”...

Theo tôi thấy thì giới trẻ hải ngoại đâu có “**vong bản**”? Họ đang gìn giữ cội nguồn bằng cách “hội nhập” và sống bằng một tâm thức là biết mình đang sống hài hòa giữa “**hai nền văn hóa**”. Nên cũng chẳng có tình trạng gì đâu để “**chấn chỉnh**” nữa cả !.

Trần Đan Hà